

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2025

“V/v tranh chấp hôn nhân  
và gia đình, ly hôn”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Oanh Đa Ra.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Hồ Văn Dũng;

- Ông Châu Khon Sóc.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Châu Chanh Đô Ra, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Châu San – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Ngọc Y, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ A, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh An Giang; Có mặt.

*Bi đơn:* Ông Phan Văn H, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ D, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh An Giang; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc Y trình bày:*

Quan hệ hôn nhân giữa bà Y với ông H được hình thành là do mai mối, sau thời gian tìm hiểu được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống riêng ở nhà bà Y tại địa chỉ tổ A, ấp N, xã A, huyện T.

Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu thì hạnh phúc nhưng đến tháng 6/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông H không quan tâm đến gia đình, không lo chí thú làm ăn, kinh tế gia đình chỉ một mình bà Y gánh vác, ngoài ra giữa bà Y và gia đình ông H có mâu thuẫn, tuy là chồng nhưng ông H không điều tiết được mối quan hệ giữa bà Y và gia đình mà còn thường xuyên bỏ về nhà mẹ đẻ nhiều lần tại địa chỉ tổ H, ấp N, xã A, do đó bà Y đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án huyện T vào tháng 9/2023, nhưng do gia đình ông H đến hàn gắn nên bà Y đồng ý rút đơn cho ông H cơ hội sửa đổi. Tuy nhiên, sau khi được bà Y tha thứ, ông H vẫn không sửa đổi, khi vợ chồng có mâu thuẫn thì bỏ về nhà mẹ ruột, lần cuối cùng là ngày 24/6/2024 (âm lịch); từ đó, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Bà Y nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nay yêu cầu xin ly hôn với ông Phan Văn H.

Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Y và ông H có 01 (một) con chung tên Phan Tấn T, sinh ngày 04/5/2023. Bà Y yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phan Văn H nhưng ông H không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để tham gia hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Vợ chồng ông H, bà Y có phát sinh mâu thuẫn, ông H không còn sống chung với bà Y mà bỏ về nhà cha mẹ ruột ông H, hiện ông H đi làm ăn xa nhưng thường xuyên về địa phương, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06/2024 cho đến nay. Ngoài ra, vợ chồng đã từng nộp đơn ly hôn nhưng do để tạo cơ hội gia đình đoàn tụ nên bà Y tự rút đơn nhưng đến nay ông H không sửa đổi. Do đó, bà Y và ông H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Y yêu cầu được ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Y, giao con chung cho bà Y chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà Y không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y đối với ông H; bà Y được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Tấn T, sinh ngày 04/5/2023.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *Về tố tụng:*

Nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn H, là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ông H cư trú tại huyện T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### *Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận số 24 ngày 18/3/2022 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Qua xác minh tại nơi cư trú, sau khi kết hôn bà Y và ông H đã tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn, ông H sống tại gia đình nhà vợ tại địa chỉ tổ A, ấp N, xã A, huyện T. Sau thời gian chung sống, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên ông H chuyển về nhà mẹ ruột sống tại địa chỉ tổ D, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh An Giang. Vợ chồng có 01 đứa con hiện cháu đang sống với bà Y.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng bà Y và ông H đã không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2024 đến nay do ông H không lo cho vợ con. Ngoài ra, vào tháng 9/2023, bà Y đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, nhưng do gia đình ông H và ông H đến hàn gắn nên bà Y đồng ý rút đơn cho ông H cơ hội sửa đổi, sau khi rút đơn vợ chồng chung sống với nhau nhưng không hạnh phúc do ông H không sửa đổi. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của bà Y, ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

nên việc bà Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[2] Về con chung: Bà Y xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có một con chung tên Phan Tấn T, sinh ngày 04/5/2023. Hiện cháu T đang sống với bà Y và bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện cháu T chưa được 36 tháng tuổi và đang được bà Y chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, do đó Hội đồng xét xử giao cháu T cho bà Y được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Y không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Y phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Phan Văn H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014;*

*Căn cứ vào các Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc Y.

1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc Y được ly hôn với ông Phan Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 18/3/2022 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh An Giang cấp cho bà Phan Thị Ngọc Y và ông Phan Văn H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Phan Thị Ngọc Y được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Tấn T, sinh ngày 04/5/2023. Ông Phan Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phan Thị Ngọc Y cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phan Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị Ngọc Y phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012762 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tri Tôn; bà Phan Thị Ngọc Y đã nộp đủ án phí.

Ông Phan Văn H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo của bà Phan Thị Ngọc Y là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Phan Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.